

Số: 1975/TB-HĐXT

Triệu Sơn, ngày 19 tháng 8 năm 2019

THÔNG BÁO

Danh sách thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện tham dự vòng 2 xét tuyển giáo viên mầm non huyện Triệu Sơn năm 2019

Căn cứ Phương án số 1237/PA-UBND ngày 13/6/2019 của UBND huyện Triệu Sơn về việc tuyển dụng giáo viên mầm non năm 2019; Biên bản họp ngày 16/8/2019 của Hội đồng xét tuyển giáo viên mầm non huyện Triệu Sơn năm 2019.

Hội đồng xét tuyển giáo viên mầm non huyện Triệu Sơn năm 2019 thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện tham dự xét vòng 2, cụ thể như sau:

1. Tổng số thí sinh nộp hồ sơ tham dự xét tuyển: 255 thí sinh. Trong đó:
 - Số lượng thí sinh đủ điều kiện tham dự xét vòng 2: 232 thí sinh.
 - Số lượng thí sinh không đủ điều kiện tham dự xét vòng 2: 23 thí sinh.

(Có danh sách kèm theo)

2. Hội đồng xét tuyển giáo viên mầm non huyện Triệu Sơn niêm yết danh sách tại UBND huyện và gửi thông báo này đến UBND các xã, thị trấn, các trường học mầm non công lập trên địa bàn huyện và công khai trên Cổng thông tin điện tử huyện Triệu Sơn. Đề nghị UBND các xã, thị trấn, các trường mầm non niêm yết danh sách tại trụ sở làm việc.

3. Hội đồng xét tuyển đề nghị các thí sinh có tên trong danh sách nêu trên kiểm tra, đối chiếu lại các thông tin cá nhân, nếu có thông tin cần đính chính đề nghị các thí sinh phản ánh về Hội đồng xét tuyển (qua Phòng Nội vụ) trước 17h00 ngày 23/8/2019 để kiểm tra, đối chiếu và điều chỉnh. Trong thời gian trên, Hội đồng tiếp nhận, giải quyết thắc mắc của thí sinh không đủ điều kiện dự xét vòng 2 (nếu có).

Hội đồng xét tuyển giáo viên mầm non huyện Triệu Sơn năm 2019 thông báo để các cơ quan, đơn vị có liên quan và các thí sinh đăng ký xét tuyển biết, theo dõi. Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện nếu phát hiện người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì sẽ xử lý theo quy định hiện hành/. *du*

Nơi nhận:

- Các thí sinh tham dự xét tuyển;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các thành viên Hội đồng xét tuyển;
- UBND các xã, thị trấn, các trường mầm non;
- Đài TT huyện (để đưa tin);
- Cổng thông tin điện tử huyện (đăng tin);
- Lưu: HĐXT.



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Vũ Đức Kính

UBND HUYỆN TRIỆU SƠN
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

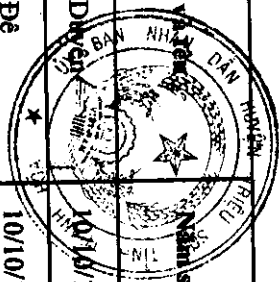
DANH SÁCH
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN MẦM NON HUYỆN TRIỆU SƠN NĂM 2019
(Kèm theo Thông báo số 128/TB-HĐXT ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng xét tuyển giáo viên mầm non huyện Triệu Sơn năm 2019)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hệ khẩu thường trú	Trình độ			Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
					Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
1	Lê Thị Hải Anh	27/11/1995	Thọ Dân, Triệu Sơn	Thọ Dân, Triệu Sơn	TC	Bậc 3	CNTT cơ bản		
2	Lê Thị Lan Anh	13/11/1997	Khuyến Nông, Triệu Sơn	Khuyến Nông, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
3	Lê Thị Lan Anh	23/12/1996	Đông Lợi, Triệu Sơn	Đông Lợi, Triệu Sơn	CD	Bậc 2	CNTT cơ bản		
4	Trịnh Thị Lan Anh	23/9/1996	Thọ Dân, Triệu Sơn	Thọ Dân, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
5	Lê Thị Phương Anh	22/01/1997	Thọ Dân, Triệu Sơn	Thọ Dân, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
6	Lê Thị Phương Anh	10/10/1996	Thọ Bình, Triệu Sơn	Thọ Bình, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
7	Nguyễn Phương Anh	10/01/1996	Hợp Tiến, Triệu Sơn	Hợp Tiến, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
8	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	07/02/1993	Hợp Thắng, Triệu Sơn	Mình Sơn, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
9	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	15/9/1988	Mình Sơn, Triệu Sơn	Dân Quỳ, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
10	Lê Thị Trâm Anh	26/11/1996	Thọ Ngọc, Triệu Sơn	Bình Sơn, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Người DTTS	
11	Hà Thị Bích	24/6/1989	Thọ Sơn, Triệu Sơn	Thọ Sơn, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
12	Nguyễn Thị Bích	09/6/1986	Tiến Nông, Triệu Sơn	Tiến Nông, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNCD Tin học		
13	Trịnh Thị Bích	15/8/1997	Luận Thành, Thường Xuân	Luận Thành, Thường Xuân	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
14	Cao Thị Ngọc Châm	28/12/1995	Quảng Hải, Quảng Xương	TT Sao Vàng, Thọ Xuân	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
15	Hà Thị Việt Chinh	02/12/1996	Luân Thành, Thường Xuân	Thọ Dân, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
16	Cao Thị Chinh	05/5/1992	Phượng Nghi, Như Thanh	Phượng Nghi, Như Thanh	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản	Người DTTS	
17	Lê Thị Chinh	14/6/1993	Đồng Ninh, Đông Sơn	Đồng Tiến, Đông Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
18	Hồ Thị Chuyên	06/6/1984	Xuân Phúc, Như Thanh	Minh Sơn, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
19	Phạm Thị Cúc	20/7/1996	Thọ Dân, Triệu Sơn	Thọ Dân, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
20	Nguyễn Thị Dân	24/6/1986	Phượng Nghi, Như Thanh	Đồng Lợi, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản	Người DTTS	
21	Lê Thị Diễm	20/12/1997	Thọ Vực, Triệu Sơn	Thọ Vực, Triệu Sơn	CĐCQ	Bậc 2	CNTT cơ bản		
22	Bùi Thị Đình	05/10/1993	Xuân Thắng, Thọ Xuân	Bình Sơn, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản	Người DTTS	
23	Hà Thị Dịu	26/4/1997	Triệu Thành, Triệu Sơn	Triệu Thành, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
24	Lê Thị Dung	15/4/1987	Thái Hòa, Triệu Sơn	Thái Hòa, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
25	Lê Thị Dung	17/6/1992	Cán Khê, Như Thanh	Thọ Sơn, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
26	Lê Thị Kim Dung	20/4/1986	Triệu Thành, Triệu Sơn	Triệu Thành, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con BB	
27	Nguyễn Thị Kim Dung	23/3/1985	Thọ Tân, Triệu Sơn	Thọ Dân, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
28	Đỗ Thị Thùy Dung	17/10/1996	Hợp Lý, Triệu Sơn	Hợp Lý, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
29	Lê Thùy Dung	30/3/1991	Dân Quyền, Triệu Sơn	Dân Lý, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 1	CNTT cơ bản		
30	Lê Thùy Dung	19/5/1996	Hoàng Trường, Hoàng Hóa	Hoàng Trường, Hoàng Hóa	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
31	Lê Thị Duyên	30/12/1995	Thọ Lộc, Thọ Xuân	Xuân Lộc, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
32	Nguyễn Thị Duyên	08/7/1995	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Thọ Bình, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		

14



STT	Họ và Tên	Năm sinh	Quê quán	Hệ khẩu thường trú	Trình độ			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
33	Nguyễn Thị Duyên	10/10/1989	Hợp Lý, Triệu Sơn	Hợp Lý, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
34	Nguyễn Thị Đệ	10/10/1988	Đông Lợi, Triệu Sơn	Đông Lợi, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
35	Nguyễn Thị Gái	28/9/1983	Dân Lực, Triệu Sơn	Dân Lực, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
36	Hoàng Thị Giang	26/11/1992	Hợp Tiến, Triệu Sơn	Hợp Tiến, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
37	Lê Thị Giang	06/3/1986	Dân Quyền, Triệu Sơn	Dân Quyền, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
38	Lê Thị Hương Giang	27/11/1997	Vân Sơn, Triệu Sơn	Dân Lý, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
39	Lê Thị Bích Hà	16/5/1985	Hợp Thành, Triệu Sơn	Hợp Tiến, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con BB	
40	Phan Thị Hà	30/4/1989	Xuân Thọ, Triệu Sơn	Thọ Cường, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
41	Hoàng Thị Hà	03/01/1989	Thọ Tân, Triệu Sơn	Xuân Thọ, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
42	Nguyễn Thị Hà	06/9/1994	Đông Tiến, Triệu Sơn	Đông Tiến, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
43	Lê Thị Thu Hà	01/02/1997	Triệu Thành, Triệu Sơn	Triệu Thành, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
44	Nguyễn Thị Thu Hà	25/12/1992	Dân Lực, Triệu Sơn	Dân Lực, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
45	Nguyễn Thị Hải	08/8/1982	Hoàng Khánh, Hoàng Hóa	Hợp Thành, Triệu Sơn	TC	Cử nhân NN	CNTT cơ bản	Con TB	
46	Lê Thị Hạnh	06/9/1986	Mình Dân, Triệu Sơn	Mình Dân, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
47	Lê Thị Hạnh	13/6/1984	Đông Thắng, Triệu Sơn	Đông Thắng, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
48	Lương Thị Hạnh	20/4/1989	Thọ Bình, Triệu Sơn	Thọ Bình, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
49	Lê Thu Hằng	07/5/1997	Đông Thắng, Triệu Sơn	Đông Thắng, Triệu Sơn	CD	Bậc 2	CNTT cơ bản		
50	Lê Thị Hằng	21/10/1996	Tân Ninh, Triệu Sơn	Tân Ninh, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		

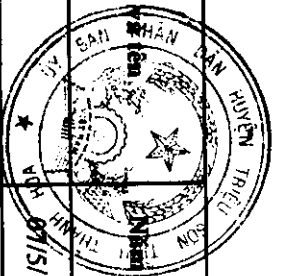
Handwritten signature or mark at the bottom left corner.

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
51	Lê Thị Hằng	27/7/1983	Vân Sơn, Triệu Sơn	TT Triệu Sơn, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
52	Lê Thị Hằng	11/9/1996	Thọ Vực, Triệu Sơn	Thọ Vực, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
53	Lê Thị Hằng	20/6/1996	Đông Minh, Đông Sơn	Đông Minh, Đông Sơn	CĐ	Bậc 2	CNTT cơ bản		
54	Vũ Thị Hằng	20/5/1987	Thọ Tiến, Triệu Sơn	Thọ Bình, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
55	Đặng Thị Hiền	01/10/1984	Thọ Tân, Triệu Sơn	Minh Sơn, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con TB	
56	Lê Thị Hiền	07/8/1993	Tân Ninh, Triệu Sơn	Khuyến Nông, Triệu Sơn	CĐ	Bậc 2	CNTT cơ bản		
57	Lương Thị Hiền	04/01/1996	Bắc Lương, Thọ Xuân	TT Lang Chánh, Lang Chánh	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
58	Trần Thị Hiền	05/02/1991	Dân Quyền, Triệu Sơn	Dân Quyền, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
59	Trịnh Thị Hiền	01/9/1993	Xuân Du, Như Thanh	Hợp Thành, Triệu Sơn	CĐ	Bậc 2	CNTT cơ bản		
60	Vũ Thị Hiền	10/10/1985	Thọ Phú, Triệu Sơn	Dân Lực, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
61	Trịnh Thị Thu Hiền	22/8/1991	Hợp Tiến, Triệu Sơn	Thọ Tiến, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
62	Vũ Thị Thu Hiền	22/8/1993	Đồng Lợi, Triệu Sơn	Tân Ninh, Triệu Sơn	CĐ	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con liệt sĩ	
63	Trần Thị Hiếu	20/5/1988	Quảng Long, Quảng Xương	Tiến Nông, Triệu Sơn	CĐ	Bậc 2	CNTT cơ bản		
64	Hoàng Thị Hoa	28/4/1984	Đồng Thắng, Triệu Sơn	Đồng Thắng, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
65	Lê Thị Hoa	26/11/1991	Hợp Thắng, Triệu Sơn	Hợp Thắng, Triệu Sơn	CĐ	Bậc 2	CNTT cơ bản		
66	Lê Thị Hoa	06/12/1990	Xuân Thịnh, Triệu Sơn	Xuân Thịnh, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
67	Vũ Thị Phương Hoa	22/9/1991	Đồng Lợi, Triệu Sơn	Đồng Lợi, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
68	Ngô Thị Hòa	29/9/1990	Đồng Thắng, Triệu Sơn	Dân Lý, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hệ khẩu thường trú	Trình độ			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
69	Lê Thị Hòa	13/02/1991	Bình Lương, Như Xuân	Dân Quyền, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
70	Nguyễn Thị Hòa	13/7/1994	Khuyến Nông, Triệu Sơn	Tân Ninh, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
71	Lê Thị Hoàn	17/9/1995	Thọ Dân, Triệu Sơn	Thọ Dân, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
72	Hà Thị Hoài	17/5/1991	Triệu Thành, Triệu Sơn	Hợp Tiến, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
73	Lê Thị Hoài	05/10/1982	Mình Dân, Triệu Sơn	Mình Dân, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
74	Lê Thị Hoài	24/02/1994	Mình Châu, Triệu Sơn	Mình Châu, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
75	Hoàng Thị Hoài	07/6/1984	Thọ Nguyễn, Thọ Xuân	Phó Lê Lợi, TT Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
76	Mai Thị Hoài	01/9/1993	Mình Sơn, Triệu Sơn	Dân Quyền, Triệu Sơn	CB	Bậc 2	CNTT cơ bản		
77	Đỗ Thị Hồng	24/3/1987	Dân Quyền, Triệu Sơn	Dân Quyền, Triệu Sơn	CB	Bậc 2	CNTT cơ bản		
78	Lê Thị Hồng	15/01/1993	Xuân Thọ, Triệu Sơn	Xuân Thọ, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
79	Lê Thị Hồng	17/9/1993	Dân Lý, Triệu Sơn	Dân Lý, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con TB	
80	Phạm Thị Hồng	20/9/1987	Thọ Thế, Triệu Sơn	An Nông, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
81	Lê Thị Thu Hồng	18/9/1996	Xuân Thịnh, Triệu Sơn	Xuân Thịnh, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
82	Đỗ Thị Kim Huệ	20/10/1992	Đồng Tiến, Triệu Sơn	Đồng Tiến, Triệu Sơn	TC	Bậc 3	CNTT cơ bản		
83	Quách Thị Huệ	28/7/1991	Xuân Du, Như Thanh	Hợp Thành, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản	Người DTTS	
84	Bùi Thị Hương	15/5/1993	Bình Sơn, Triệu Sơn	Bình Sơn, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Người DTTS	
85	Lê Thu Hương	20/3/1993	Thọ Dân, Triệu Sơn	Thọ Dân, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
86	Phạm Thị Hương	27/7/1990	Cầm Liên, Cầm Thủy	Thọ Dân, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		

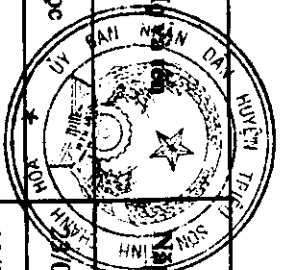
✓

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Chuyên môn	Ngại ngữ	Tin học		
87	Phạm Thị Hương	06/5/1993	Nam Giang, Thọ Xuân	Nam Giang, Thọ Xuân	TC	Bậc 3	CNTT cơ bản		
88	Lê Thị Hương	24/4/1990	Xuân Thọ, Triệu Sơn	Xuân Thọ, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
89	Lê Thị Hương	22/01/1994	Khuyến Nông, Triệu Sơn	Khuyến Nông, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
90	Lê Thị Hương	10/10/1991	Thọ Bình, Triệu Sơn	Thọ Bình, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
91	Nguyễn Thị Mai Hương	19/10/1989	Dân Lý, Triệu Sơn	TT Triệu Sơn, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
92	Lê Thị Hương	16/6/1990	Thọ Ngọc, Triệu Sơn	Thọ Ngọc, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
93	Lê Thị Hương	07/3/1984	Xuân Thịnh, Triệu Sơn	Xuân Thịnh, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
94	Nguyễn Thị Huyền	05/01/1991	Hợp Thắng, Triệu Sơn	Thọ Phú, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
95	Vũ Thị Huyền	26/9/1992	Thọ Tiến, Triệu Sơn	Hợp Thành, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
96	Nguyễn Thị Huyền	26/5/1985	Dân Quyền, Triệu Sơn	Dân Quyền, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con BB	
97	Phạm Thị Thu Huyền	26/8/1993	Thọ Tân, Triệu Sơn	Thọ Tân, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
98	Nguyễn Thị Thu Huyền	20/10/1992	Thọ Tân, Triệu Sơn	Thọ Tân, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
99	Lià Thị Lan	14/7/1987	Minh Châu, Triệu Sơn	Minh Châu, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
100	Lê Thị Lan	08/10/1987	Tân Ninh, Triệu Sơn	Tân Ninh, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
101	Lê Thị Lan	10/12/1985	Tiến Nông, Triệu Sơn	Nông Trường, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
102	Nguyễn Thị Lan	24/4/1997	Ba Đình, Nga Sơn	Thọ Phú, Triệu Sơn	CD	Bậc 2	CNTT cơ bản		
103	Vũ Thị Lài	20/9/1993	Thọ Dân, Triệu Sơn	Xuân Thọ, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
104	Nguyễn Thị Lâm	06/7/1989	Minh Sơn, Triệu Sơn	Minh Sơn, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		



STT	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
105	Bùi Thị Lê	07/5/1988	Dân Lý, Triệu Sơn	Dân Lý, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
106	Phạm Thị Lê	15/01/1989	Hợp Thắng, Triệu Sơn	Hợp Thắng, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
107	Nguyễn Thị Lê	28/02/1994	Thọ Thế, Triệu Sơn	Thọ Cường, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
108	Nguyễn Thị Lê	12/10/1984	Thiệu Lý, Thiệu Hóa	Mĩnh Dân, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
109	Lê Thị Liên	01/02/1986	Thọ Sơn, Triệu Sơn	Thọ Sơn, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con TB	
110	Lê Thị Liên	09/11/1989	Xuân Lộc, Triệu Sơn	Xuân Thịnh, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con TB	
111	Nguyễn Thị Liên	02/6/1993	Thọ Ngọc, Triệu Sơn	Thọ Ngọc, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
112	Trần Thị Liên	26/3/1989	Thọ Sơn, Triệu Sơn	Thọ Sơn, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
113	Đinh Thị Linh	04/10/1995	Thọ Ngọc, Triệu Sơn	Thọ Ngọc, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
114	Lê Thị Linh	27/10/1995	Thọ Dân, Triệu Sơn	Thọ Dân, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
115	Vũ Thị Linh	11/4/1996	Đông Lợi, Triệu Sơn	Đông Lợi, Triệu Sơn	CD	Bậc 1	CNTT cơ bản		
116	Lê Thị Thủy Linh	10/6/1989	Thọ Dân, Triệu Sơn	Thọ Dân, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
117	Lê Thị Thủy Linh	26/6/1993	Tân Ninh, Triệu Sơn	Tân Ninh, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
118	Lê Thị Mỹ Linh	11/3/1997	Tân Ninh, Triệu Sơn	Tân Ninh, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
119	Lê Thị Loan	24/8/1992	Phúc Do, Cẩm Thủy	Phúc Do, Cẩm Thủy	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
120	Lê Thị Loan	22/9/1990	Thọ Dân, Triệu Sơn	Thọ Dân, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
121	Trần Thị Loan	15/3/1987	Thọ Tiến, Triệu Sơn	Thọ Tiến, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con BB	
122	Lê Thị Luyến	14/8/1986	Tân Ninh, Triệu Sơn	TT Triệu Sơn, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ			Đổi tượng ưu tiên	Ghi chú
					Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
123	Bùi Thị Lý	16/7/1994	Hợp Lý, Triệu Sơn	Triệu Thành, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
124	Hoàng Thị Lý	18/9/1996	Thái Hòa, Triệu Sơn	Vân Sơn, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
125	Lê Thị Lý	09/11/1985	Thọ Ngọc, Triệu Sơn	Thọ Ngọc, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
126	Lê Thị Hải Lý	17/11/1992	Cẩm Tân, Cẩm Thủy	Đồng Yên, Đồng Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
127	Lê Thị Mai	22/11/1984	Tân Ninh, Triệu Sơn	Tân Ninh, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
128	Lê Thị Mai	15/6/1989	Tân Ninh, Triệu Sơn	Tân Ninh, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
129	Nguyễn Thị Mai	15/4/1993	Thọ Trường, Thọ Xuân	Hợp Lý, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
130	Lê Thị Minh	21/11/1995	Dân Quyền, Triệu Sơn	Dân Quyền, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
131	Vũ Thị Minh	10/01/1991	Hợp Tiến, Triệu Sơn	Hợp Tiến, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
132	Nguyễn Thị Mùi	16/02/1991	Đồng Phú, Đồng Sơn	Đồng Thắng, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
133	Nguyễn Thị Mừng	20/01/1990	Đồng Tiến, Triệu Sơn	Đồng Thắng, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Người DTTS	
134	Hà Thị Hà My	22/12/1996	Hiền Chung, Quan Hóa	Hiền Chung, Quan Hóa	ĐH	Bậc 3	CNTT cơ bản		
135	Trương Thị Na	16/8/1995	Hợp Lý, Triệu Sơn	Hợp Lý, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
136	Hà Thị Nam	28/5/1988	Thọ Sơn, Triệu Sơn	Thọ Tiến, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Người DTTS	
137	Hà Thị Nga	14/10/1992	TT Thọ Xuân, Thọ Xuân	Thọ Cường, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
138	Đỗ Thị Linh Nga	12/10/1989	Hợp Tiến, Triệu Sơn	Hợp Tiến, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
139	Lê Thị Ngân	12/7/1982	Đồng Tiến, Triệu Sơn	Đồng Tiến, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 1	CNTT cơ bản		
140	Trần Thị Ngân	19/9/1986	Hợp Lý, Triệu Sơn	Hợp Lý, Triệu Sơn	TC	Cử nhân NN	CNTT cơ bản		



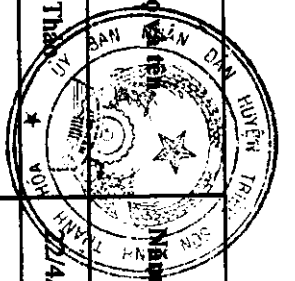
STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
141	Lê Thị Ngọc	28/02/1995	Đông Tiến, Triệu Sơn	Đông Tiến, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
142	Lê Thị Ngọc	03/01/1992	Đông Lợi, Triệu Sơn	Đông Lợi, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
143	Lê Thị Ngọc	14/10/1990	Vân Sơn, Triệu Sơn	Vân Sơn, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
144	Lê Thị Ngọc	20/8/1988	Hợp Thắng, Triệu Sơn	Minh Sơn, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
145	Đinh Thị Nguyệt	08/4/1985	Cầm Tân, Cầm Thủy	Cầm Khê, Như Thanh	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
146	Lê Thị Nguyệt	27/01/1991	Xuân Thọ, Triệu Sơn	Thọ Dân, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con BB	
147	Nguyễn Thị Nguyệt	15/8/1988	Thọ Tân, Triệu Sơn	Thọ Tân, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
148	Lê Thị Nhung	25/8/1996	Vân Sơn, Triệu Sơn	Vân Sơn, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
149	Lê Thị Nhung	05/5/1988	Dân Quyền, Triệu Sơn	Dân Quyền, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
150	Lê Thị Nhung	09/8/1984	Thọ Phú, Triệu Sơn	Thọ Vực, Triệu Sơn	CD	Bậc 2	CNTT cơ bản		
151	Nguyễn Thị Nhung	12/12/1994	Thọ Sơn, Triệu Sơn	Thọ Bình, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản	Người DTTS	
152	Lê Thị Như	01/6/1994	Dân Quyền, Triệu Sơn	Minh Sơn, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
153	Hà Thị Nụ	04/8/1996	Minh Châu, Triệu Sơn	An Nông, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
154	Hà Châm Oanh	07/8/1996	Hợp Thành, Triệu Sơn	Hợp Thành, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
155	Hoàng Thị Oanh	08/5/1993	Đông Tiến, Triệu Sơn	Đông Tiến, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
156	Tương Thị Oanh	04/3/1995	Hợp Thành, Triệu Sơn	TT Triệu Sơn, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
157	Phạm Thị Kim Oanh	04/3/1991	Thọ Phú, Triệu Sơn	Thọ Phú, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
158	Lê Minh Phương	10/10/1994	Thọ Dân, Triệu Sơn	Thọ Dân, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		

14

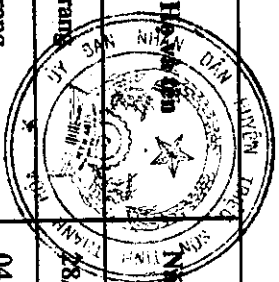
STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Chuyên môn	Ngại ngữ	Tin học		
159	Lê Thị Phương	10/5/1986	Dân Quyền, Triệu Sơn	Dân Quyền, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
160	Lê Thị Phương	19/12/1988	Xuân Lộc, Triệu Sơn	Xuân Lộc, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
161	Trần Thị Phương	08/11/1997	Đồng Lợi, Triệu Sơn	Đồng Lợi, Triệu Sơn	CD	Bậc 2	CNTT cơ bản		
162	Trần Thị Phương	10/4/1987	Hợp Lý, Triệu Sơn	Hợp Lý, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
163	Trịnh Thị Quý	06/5/1989	Tân Ninh, Triệu Sơn	Tân Ninh, Triệu Sơn	TC	Bậc 3	CNTT cơ bản		
164	Nguyễn Thị Quyên	19/02/1987	Vân Sơn, Triệu Sơn	Vân Sơn, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
165	Đào Thị Quỳnh	20/5/1996	Nông Trường, Triệu Sơn	Nông Trường, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
166	Phạm Thị Quỳnh	07/7/1994	Thọ Tân, Triệu Sơn	Thọ Tân, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
167	Trần Thị Quỳnh	02/7/1992	Hợp Thắng, Triệu Sơn	Xuân Thọ, Như Thanh	CD	Bậc 2	CNTT cơ bản		
168	Nguyễn Thị Tâm	13/03/1987	Hợp Thành, Triệu Sơn	An Nông, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con TB	
169	Trần Thị Thanh Tâm	03/7/1987	Tân Ninh, Triệu Sơn	An Nông, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con BB	
170	Trịnh Thị Tâm	10/6/1986	Hợp Thắng, Triệu Sơn	Hợp Thắng, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
171	Ngô Thị Thanh	09/10/1983	Đồng Thắng, Triệu Sơn	Thọ Tân, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
172	Phạm Thị Thắm	04/6/1991	Nông Trường, Triệu Sơn	Nông Trường, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
173	Phạm Thị Thắm	20/9/1994	Dân Quyền, Triệu Sơn	Dân Quyền, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
174	Bùi Thị Thảo	30/01/1990	Thọ Sơn, Triệu Sơn	Thọ Sơn, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Người DTTS	
175	Bùi Thị Thảo	13/11/1997	Quảng Yên, Quảng Xương	Khuyến Nông, Triệu Sơn	CD	Bậc 2	CNTT cơ bản		
176	Đỗ Thị Thảo	25/8/1986	Tân Ninh, Triệu Sơn	Tân Ninh, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		

28

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hệ khẩu thường trú	Trình độ			Đổi tượng ưu tiên	Chí chủ
					Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
177	Hoàng Thị Thảo	22/4/1991	Vĩnh Tân, Vĩnh Lộc	Thọ Tiến, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con BB	
178	Lê Thị Thảo	10/10/1985	Dân Lực, Triệu Sơn	Dân Lực, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
179	Lê Thị Thảo	19/4/1996	Xuân Thịnh, Triệu Sơn	Xuân Thịnh, Triệu Sơn	CD	Bậc 2	CNTT cơ bản		
180	Vũ Thị Thảo	10/5/1990	Minh Châu, Triệu Sơn	Minh Châu, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
181	Đỗ Thị Thê	10/9/1985	Khuyến Nông, Triệu Sơn	Khuyến Nông, Triệu Sơn	DH	Bậc 1	CNTT cơ bản		
182	Nguyễn Thị Thịnh	02/7/1988	Đông Tiến, Triệu Sơn	Đông Lợi, Triệu Sơn	CD	Bậc 2	CNTT cơ bản		
183	Hà Thị Thêm	20/6/1986	Thọ Ngọc, Triệu Sơn	Hợp Thành, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
184	Trịnh Thị Thêu	02/9/1987	Đông Minh, Đông Sơn	Đông Khê, Đông Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
185	Vũ Thị Thoa	20/11/1986	Minh Châu, Triệu Sơn	Minh Châu, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
186	Lê Thị Thơm	17/7/1991	Hợp Lý, Triệu Sơn	Thọ Tân, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản	Người DTTS	
187	Trịnh Thị Thơm	12/3/1991	Thọ Sơn, Triệu Sơn	Thọ Tiến, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
188	Lê Thị Thu	25/6/1992	Vân Sơn, Triệu Sơn	Thọ Dân, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
189	Lê Thị Thu	01/02/1994	Thọ Bình, Triệu Sơn	Thọ Bình, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
190	Phạm Thị Thu	10/02/1986	Đông Tiến, Triệu Sơn	Đông Tiến, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
191	Hà Thị Cẩm Thu	27/01/1993	Hợp Thành, Triệu Sơn	Hợp Thành, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
192	Phạm Minh Thủy	10/11/1993	Thọ Cường, Triệu Sơn	Thọ Cường, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
193	Nhật Thị Thủy	28/11/1981	Đông Tiến, Triệu Sơn	Dân Lực, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con BB	
194	Nguyễn Thị Thủy	25/8/1984	Minh Sơn, Triệu Sơn	TT Sao Vàng, Thọ Xuân	CD	Bậc 2	CNTT cơ bản		



STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hệ khẩu thường trú	Trình độ			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
195	Nguyễn Thị Thủy	28/5/1990	Tân Ninh, Triệu Sơn	Đồng Lợi, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
196	Lê Thị Thủy	27/7/1982	Xuân Thịnh, Triệu Sơn	Thọ Vực, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con TB	
197	Trần Thị Thủy	02/7/1994	Hợp Lý, Triệu Sơn	Hợp Tiến, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
198	Trịnh Thị Thủy	20/6/1993	Xuân Lai, Thọ Xuân	Dân Quyền, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 1	CNTT cơ bản		
199	Nguyễn Thị Thủy	27/10/1999	Triệu Thành, Triệu Sơn	Triệu Thành, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
200	Nguyễn Thị Thủy	15/5/1995	Hợp Thắng, Triệu Sơn	Hợp Thắng, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
201	An Thị Thủy	30/7/1993	Dân Quyền, Triệu Sơn	Hợp Thắng, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
202	Hà Thị Thủy	24/7/1988	Hợp Thành, Triệu Sơn	Hợp Thành, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con BB	
203	Lê Thị Thủy	17/5/1989	Thái Hòa, Triệu Sơn	Thái Hòa, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
204	Nguyễn Thị Thủy	05/7/1989	Tiến Nông, Triệu Sơn	Dân Lý, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
205	Nguyễn Thị Hồng Thủy	04/02/1984	Xuân Lộc, Hậu Lộc	Thọ Cường, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
206	Lê Thị Thương	04/10/1989	Đồng Thắng, Triệu Sơn	Đồng Thắng, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
207	Trịnh Thị Thương	20/11/1996	Vinh Phúc, Vinh Lộc	Vinh Phúc, Vinh Lộc	CD	Bậc 3	CNTT cơ bản		
208	Lê Thị Tình	17/10/1991	Thái Hòa, Triệu Sơn	Thái Hòa, Triệu Sơn	CD	Bậc 1	CNTT cơ bản		
209	Lê Thị Tinh	24/8/1987	Hoàng Long, Hoàng Hóa	Thọ Bình, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
210	Đào Thị Trang	20/6/1996	Dân Lý, Triệu Sơn	Dân Lý, Triệu Sơn	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
211	Hoàng Thị Trang	29/01/1989	Thọ Tiến, Triệu Sơn	Thọ Tiến, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
212	Lê Thị Trang	18/10/1997	Triệu Thành, Triệu Sơn	Triệu Thành, Triệu Sơn	CD	Bậc 2	CNTT cơ bản		

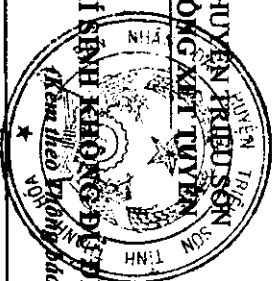


STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ			Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
					Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
213	Lê Thị Trang	28/6/1995	Xuân Lộc, Triệu Sơn	Xuân Lộc, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
214	Lê Thị Trang	04/9/1993	Thọ Ngọc, Triệu Sơn	Thọ Ngọc, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
215	Trần Thị Trang	20/7/1996	Thọ Dân, Triệu Sơn	Thọ Dân, Triệu Sơn	TC	Bậc 3	CNTT cơ bản		
216	Lê Thị Thu Trang	28/10/1995	Đông Khê, Đông Sơn	Minh Sơn, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
217	Nguyễn Thị Tú	24/6/1988	Thọ Tân, Triệu Sơn	Dân Lực, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
218	Đỗ Thị Tuyên	03/10/1988	Đông Tiến, Triệu Sơn	Đông Tiến, Triệu Sơn	CD	Bậc 1	CNTT cơ bản		
219	Mai Thị Tuyên	15/9/1992	Hải Hà, Tĩnh Gia	Thọ Ngọc, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
220	Lê Thị Tuyên	12/10/1995	Thọ Dân, Triệu Sơn	Thọ Dân, Triệu Sơn	CD	Bậc 3	CNTT cơ bản		
221	Lê Thị Tuyên	05/4/1995	Tiến Nông, Triệu Sơn	Tiến Nông, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
222	Nguyễn Thị Tuyết	15/8/1989	Thái Hòa, Triệu Sơn	Thái Hòa, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản	Người DTTS	
223	Vũ Thị Tuyết	08/01/1993	Thọ Sơn, Triệu Sơn	Hợp Lý, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
224	Vũ Thị Tuyết	02/10/1993	Hợp Thắng, Triệu Sơn	Thọ Vực, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
225	Phạm Thị Vân	07/3/1992	Đông Lợi, Triệu Sơn	Đông Lợi, Triệu Sơn	CD	Bậc 2	CNTT cơ bản		
226	Nguyễn Thị Vân	09/02/1994	Xuân Sơn, Thọ Xuân	Thọ Ngọc, Triệu Sơn	DH	Bậc 2	CNTT cơ bản		
227	Khuong Thị Vui	10/8/1992	Dân Quyền, Triệu Sơn	Dân Quyền, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
228	Lê Thị Vy	01/9/1987	Hợp Thành, Triệu Sơn	Hợp Thành, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản	Con TB	
229	Hoàng Thị Yến	06/9/1993	Thịệu Đô, Thiệu Hóa	Thịệu Lý, Thiệu Hóa	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
230	Hoàng Thị Yến	13/10/1994	Hợp Thắng, Triệu Sơn	Hợp Thắng, Triệu Sơn	CD	Bậc 2	CNTT cơ bản		

18

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
231	Lê Thị Yến	10/8/1989	Hợp Lý, Triệu Sơn	Hợp Lý, Triệu Sơn	TC	Bậc 2	CNTT cơ bản		
232	Hoàng Thị Hải Yến	18/01/1997	Vĩnh Hùng, Vĩnh Lộc	Vĩnh Hùng, Vĩnh Lộc	ĐH	Bậc 2	CNTT cơ bản		

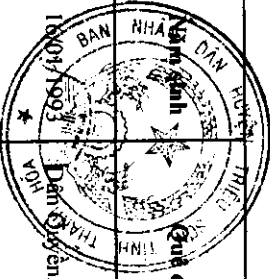
Danh sách này có 232 người



DANH SÁCH
THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2, KỲ XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN MẦM NON HUYỆN TRIỆU SƠN NĂM 2019
(Tờ khai theo Thông báo số 1935/TB-HDXT ngày 10 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng xét tuyển giáo viên mầm non huyện Triệu Sơn năm 2019)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Họ khẩu thường trú	Lý do không đủ điều kiện	Ngày cấp	Tên trường cấp	Văn bản pháp luật
1	Đặng Thị Vân Anh	28/3/1996	Hợp Thành, Triệu Sơn	Hợp Thành, Triệu Sơn	Ngoại ngữ không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	29/6/2018	Chứng chỉ nội bộ (DII Hồng Đức)	Công văn số 2847/SGDDT-GDTX; Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT; Quyết định số 5225/QĐ-BGDĐT; Công văn số 1944/QĐ.CT-QLVBC
2	Lê Thị Dương	13/3/1986	Thọ Dân, Triệu Sơn	Thọ Tân, Triệu Sơn	Ngoại ngữ không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	16/11/2008	Trung tâm HTC	Công văn số 2847/SGDDT-GDTX; Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT; Quyết định số 7176/QĐ-BGDĐT.
3	Lê Thị Giang	21/4/1990	Tân Ninh, Triệu Sơn	Tân Ninh, Triệu Sơn	Ngoại ngữ, Tin học không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	NN 19/4/2014; TH 28/5/2014	Trung tâm đào tạo centech	Công văn số 2847/SGDDT-GDTX; Quyết định số 5599/QĐ-BGDĐT
4	Trần Thị Thu Hằng	19/5/1997	Phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa	Phường Trường Thi TP Thanh Hóa	Ngoại ngữ không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	28/7/2016	Trung tâm HTC	Công văn số 2847/SGDDT-GDTX; Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT; Quyết định số 5225/QĐ-BGDĐT;
5	Cao Thị Hân	20/10/1992	Phường Nghi, Như Thanh	Phường Nghi, Như Thanh	Ngoại ngữ, Tin học không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	26/5/2017	Trung tâm HTC	Công văn số 2847/SGDDT-GDTX; Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT; Quyết định số 5225/QĐ-BGDĐT;
6	Lê Thị Hiền	03/02/1991	Xuân Du, Như Thanh	Cần Khê, Như Thanh	Ngoại ngữ không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	22/7/2019	CD Thương mại và Du lịch	Công văn số 2847/SGDDT-GDTX; Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT
7	Lê Thị Huyền	12/9/1995	Xuân Yên, Thọ Xuân	Xuân Thắng, Thọ Xuân	Ngoại ngữ, Tin học không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	NN 22/8/2016; TH 26/8/2016	Trung tâm EDU	Công văn số 2847/SGDDT-GDTX; Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT; Quyết định số 5225/QĐ-BGDĐT;
8	Lương Thị Lan	10/10/1984	Thọ Tân, Triệu Sơn	TT Quan Sơn, Quan Sơn	Ngoại ngữ không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	28/3/2019	DHCN Vinh, chứng chỉ tiếng anh thực hành A2	Công văn số 2847/SGDDT-GDTX; Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hệ khẩu thường trú	Lý do không đủ điều kiện	Ngày cấp	Tên trường cấp	Văn bản pháp luật
9	Là Thị Linh	10/10/1996	Hợp Thành, Triệu Sơn	Hợp Thành, Triệu Sơn	Ngoại ngữ không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	29/6/2018	Chứng chỉ nội bộ (ĐH Hồng Đức)	Công văn số 2847/SGDDĐT-GDĐT; Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT; Quyết định số 5225/QĐ-BGDĐT; Công văn số 1944/QLCL-QLVBCC
10	Trịnh Thị Loan	05/12/1995	TT Vạn Hà, Thiệu Hóa	TT Vạn Hà, Thiệu Hóa	Ngoại ngữ không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	29/6/2017	Chứng chỉ nội bộ (ĐH Hồng Đức)	Công văn số 2847/SGDDĐT-GDĐT; Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT; Quyết định số 5225/QĐ-BGDĐT; Công văn số 1944/QLCL-QLVBCC
11	Trịnh Thị Mai	05/10/1987	Thiệu Hóa, Thiệu Hóa	TT Sao Vàng, Thọ Xuân	Ngoại ngữ không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	22/8/2016	Trung tâm EDU	Công văn số 2847/SGDDĐT-GDĐT; Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT; Quyết định số 5225/QĐ-BGDĐT;
12	Lê Thị Phương	15/7/1990	Thiệu Phú, Thiệu Hóa	Thiệu Phú, Thiệu Hóa	Ngoại ngữ không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	16/9/2010	Trung tâm giáo dục hướng nghiệp EPV	Công văn số 2847/SGDDĐT-GDĐT; Quyết định số 5599/QĐ-BGDĐT
13	Cao Đào Tú Quỳnh	25/02/1994	Thiệu Phúc, Thiệu Hóa	Cầm Long, Cầm Thủy	Ngoại ngữ, Tin học không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	NN 22/3/2017 TH 28/6/2016	Trung tâm HTC và EDU	Công văn số 2847/SGDDĐT-GDĐT; Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT; Quyết định số 5225/QĐ-BGDĐT;
14	Nguyễn Thị Thanh	30/9/1996	Đông Lợi, Triệu Sơn	Bãi Trảnh, Như Xuân	Ngoại ngữ không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	07/6/2019	Giấy chứng nhận của ĐH Vinh	Công văn số 2847/SGDDĐT-GDĐT; Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT
15	Dặng Thị Tháo	26/11/1992	Thọ Phú, Triệu Sơn	Thọ Phú, Triệu Sơn	Ngoại ngữ không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	28/6/2016	Chứng chỉ nội bộ (ĐH Hồng Đức)	Công văn số 2847/SGDDĐT-GDĐT; Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT; Quyết định số 5225/QĐ-BGDĐT; Công văn số 1944/QLCL-QLVBCC
16	Mai Thị Tháo	17/7/1987	Dân Quyền, Triệu Sơn	Quảng Phú, Thọ Xuân	Ngoại ngữ không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	15/01/2016	Viện nghiên cứu Đào tạo và Phát triển công nghệ	Công văn số 2847/SGDDĐT-GDĐT; Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT; Quyết định số 5225/QĐ-BGDĐT;
17	Lê Thị Tháo	06/12/1994	Quảng Chính, Quảng Xương	Thọ Cường, Triệu Sơn	Ngoại ngữ, Tin học không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	NN 26/6/2016 TH 15/5/2016	Trung tâm INNEC	Công văn số 2847/SGDDĐT-GDĐT; Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT; Quyết định số 5225/QĐ-BGDĐT;
18	Lê Thị Thu	12/10/1988	Đông Yên, Đông Sơn	Đông Quang, Đông Sơn	Ngoại ngữ không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	18/4/2008	Trung tâm INTEC	Công văn số 2847/SGDDĐT-GDĐT; Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT; Quyết định số 7176/QĐ-BGDĐT;
19	Lê Thị Thủy	15/01/1990	Thái Hòa, Triệu Sơn	Đông Thắng, Triệu Sơn	Ngoại ngữ, Tin học không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	25/4/2017	Trung tâm EDU	Công văn số 2847/SGDDĐT-GDĐT; Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT; Quyết định số 5225/QĐ-BGDĐT;

STT	Họ và tên	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Lý do không đủ điều kiện	Ngày cấp	Tên trường cấp	Văn bản pháp luật
20	Mai Thị Trang	 Đan Phượng, Triệu Sơn	TT Triệu Sơn, Triệu Sơn	Ngoại ngữ, Tin học không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	NN 08/01/2014 TH 21/01/2014	Trung tâm tiếng anh khoa học JUPITER	Công văn số 2847/SGDDT-GD/TTX; Quyết định số 5599/QĐ-BGDDT
21	Nguyễn Thị Trang	Đông Anh, Đông Sơn	Đông Minh, Đông Sơn	Ngoại ngữ, Tin học không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	05/12/2016	Viện nghiên cứu Đào tạo và Phát triển công nghệ	Công văn số 2847/SGDDT-GD/TTX; Thông tư số 19/2015/TT-BGDDT; Quyết định số 5225/QĐ-BGDDT;
22	Lê Thị Mai Trang	Quảng Văn, Quảng Xương	Đông Yên, Đông Sơn	Ngoại ngữ không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	29/6/2018	Chứng chỉ nội bộ (DH Hồng Đức)	Công văn số 2847/SGDDT-GD/TTX; Thông tư số 19/2015/TT-BGDDT; Quyết định số 5225/QĐ-BGDDT; Công văn số 1944/QĐ-CL-QL/VBCC
23	Lê Thị Thu Trang	Chương Mỹ, Hà Nội	Thọ Vực, Triệu Sơn	Ngoại ngữ không thuộc chứng chỉ giáo dục thường xuyên quốc dân	04/02/2016	Trung tâm hỗ trợ và phát triển văn hoá cộng đồng	Công văn số 2847/SGDDT-GD/TTX; Thông tư số 19/2015/TT-BGDDT; Quyết định số 5225/QĐ-BGDDT;

Danh sách này có 23 người